TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày 21- 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Hải.

2. Ông Đặng Duy Niên.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2023/TLST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành B, sinh ngày 05/9/1974; Nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị G (đã chết); Có vợ: Trần Thị L, sinh năm 1978 và có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1994, tham gia nghĩa vụ quân sự tại tiểu đoàn 21 Bộ tham mưu Quân đoàn 1, đến năm 1995 xuất ngũ trở về địa phương. Ngày 28/9/2017, bị Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Đánh bạc", bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 28/5/2021 và đã thi hành xong tiền án phí, tiền phạt ngày 14/12/2017.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" *(có mặt)*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ N quan:

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

- Anh Lê Đức A, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(Anh N và anh A đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để giải quyết công việc và biết Nguyễn Thành B có cho vay tiền lấy lãi nên anh Trần Văn N và anh Lê Đức A đến gặp B đặt vấn đề vay tiền, B đồng ý. B cho anh N, anh A vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Trước khi cho vay, B và những người vay tiền cùng thống nhất trả lãi theo tháng, nếu chưa trả tiền gốc thì hằng tháng phải trả tiền lãi. B đưa tiền cho người vay bằng tiền mặt và viết giấy vay, trả tiền lãi bằng tiền mặt. Ngày 16/3/2023, anh N vay của B số tiền 90.000.000 đồng, B đã thu lãi của anh N từ tháng 4/2023 đến tháng 8/2023 là 40.500.000 đồng, bằng hình thức trả tiền mặt, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.500.000 đồng, số tiền B thu lợi bất chính là 33.000.000 đồng. Ngày 20/7/2023, anh A vay của B số tiền 40.000.000 đồng, B đã thu lãi của anh A từ tháng 8/2023 đến tháng 9/2023 là 7.200.000 đồng, bằng hình thức trả tiền mặt, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.334.000 đồng, số tiền B thu lợi bất chính là 5.866.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thành B thu lợi bất chính từ các khoản tiền vay trên là **38.866.000 đồng**.

Cáo trạng số 90/CT-VKSVT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Nguyễn Thành B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ sự việc và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình như nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 46, 47, 50, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành B phạm tội:*"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

2. Xử phạt Nguyễn Thành B 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng:

Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã lấy lãi từ những người có quyền lợi nghĩa vụ N quan, trong đó: anh Trần Văn N là 7.500.000đồng, anh Lê Đức A.là 1.334.000đồng; tổng cộng là: 8.834.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc anh Trần Văn N phải nộp lại số tiền đã vay chưa trả cho bị cáo là 90.000.000đồng, buộc anh Lê Đức A phải nộp lại số tiền vay chưa trả cho bị cáo là 40.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ N quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ N quan anh Trần Văn N và anh Lê Đức A cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Giấy vay tiền của anh Trần Văn N và anh Lê Đức A (bút lục từ số 03 đến số 05).

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 9/2023, Nguyễn Thành B đã có hành vi cho anh Trần Văn N vay số tiền 90.000.000 đồng và anh Lê Đức A vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất là 108%/năm, gấp 5,4 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, B đã thu lãi của anh N từ tháng 4/2023 đến tháng 8/2023 là 40.500.000 đồng; thu lãi của anh Atừ

tháng 8/2023 đến tháng 9/2023 là 7.200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 38.866.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Thành B đã phạm vào tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thành B đã thực hiện đối với anh Trần Văn N và Lê Đức A là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế (trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ) được pháp luật bảo vệ gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi ích trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng bị cáo đã phạm tội, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thành B năm 2017 đã bị Toà án xét xử về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong hình phạt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Nguyễn Thành B đã thành khẩn khai báo, tự nguyện trả lại cho anh N và anh Asố tiền thu lợi bất chính, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Do vậy, bị cáo được các hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của

hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Xử lý vật chứng:

6.1 Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã lấy lãi từ những người có quyền lợi nghĩa vụ N quan, trong đó: anh Trần Văn N là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, anh Lê Đức A.là 1.334.000 (một triệu ba trăm ba mươi tư nghìn) đồng; tổng cộng là: 8.834.000 (tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

6.2 Buộc anh Trần Văn N, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền đã vay chưa trả cho bị cáo là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

6.3 Buộc anh Lê Đức A, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền vay chưa trả cho bị cáo là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thành B đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Trần Văn N là 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng và anh Lê Đức A là 5.866.000 (năm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Anh N và anh Ađã nhận tiền, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Thành B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ N quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46, Điều 47, Điều 50, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành B phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Thành B 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng:

3.1 Buộc bị cáo Nguyễn Thành B phải nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã lấy lãi từ những người có quyền lợi nghĩa vụ N quan là anh Trần Văn N và anh Lê Đức A.là: **8.834.000** (tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2 Buộc anh Trần Văn N, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền đã vay chưa trả cho bị cáo là **90.000.000** (chín mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước;

3.3 Buộc anh Lê Đức A, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền đã vay chưa trả cho bị cáo là **40.000.000** (bốn mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành B phải chịu 200.000(hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21 tháng 12 năm 2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ N quan là anh Trần Văn N, anh Lê Đức A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ N quan;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Cơ quan THSHS Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Vũ Thư;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Thái Bình (gửi qua Công an huyện Vũ Thư);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Thoan